

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự Do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2017/DS-PT

Ngày: 25/9/2017

V/v: “V/v kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Hoàng Thị Thanh Loan – Là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 09/8/2017 – ngày 11/9/2017 – ngày 18/9/2017 – ngày 25/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/TLPT-DS ngày 28/12/2016 về việc “*Kiện đòi tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31A/2017/QĐPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D;

Địa chỉ trụ sở: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Vương Yên O, chức vụ: Chủ nhiệm Hợp tác xã

2. Bị đơn: Ông Phan Hoài T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số nhà 42, đường T, phường M, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Quốc V, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Văn phòng luật sư H – Số 416, Z, phường M, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vương Thị L, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Khu phố X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Cao Phương B, sinh năm: 1992

Địa chỉ: N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Bà Đinh Thị Kim L1, sinh năm: 1979 (vắng)

Địa chỉ: Số nhà 42, đường T, phường M, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.
Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Ông Trần Quốc V, sinh năm: 1986
Địa chỉ: Văn phòng luật sư H – Số 416, QL 14, phường M, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Ngô Thị T1, sinh năm: 1958

Địa chỉ: Tổ 06, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Bà Nguyễn Quý P, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Khu phố X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Thái D1, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Khu phố X, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Vương Thị Minh L2, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Số nhà 253, thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Ông Võ K, sinh năm: 1952

Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Võ Thành V1, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 01, ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Văn D2

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh B

Địa chỉ: 09-11 Y, Tp T, tỉnh B

Người đại diện theo ủy quyền ông Văn Công B1, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại ông Đinh Công V2, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – Ngân hàng TMCP A, chi nhánh B.(vắng)

4. Người kháng cáo:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D.

- Bị đơn: Ông Phan Hoài T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Vương Yến O trình bày:

Vào khoảng tháng 9/2011 bà Vương Thị L là xã viên Hợp tác xã có vay của vợ chồng ông Phan Hoài T và bà Đinh Thị Kim L1 một số tiền để giải quyết việc riêng (thời điểm năm 2011 bà L là Chủ nhiệm hợp tác xã). Do chưa có tiền trả, cộng với lãi suất quá cao và sau những đợt chưa trả chưa trả lãi, vợ chồng ông T nhập tiền lãi vào tiền gốc làm cho số nợ lên đến 4.700.000.000 đồng. Trong thời gian này ông T liên tục gây sức ép để buộc bà L trả nợ. Đến khoảng tháng 10/2012 do biết Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D có vườn cao su diện tích 299.960,8m² (diện tích thực tế

khoảng 40ha), tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nên ông T nói để ông T vào quản lý, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su, đổi lại ông T sẽ không tính lãi suất đối với số tiền 4.700.000.000 đồng mà bà L đã vay ông T trước đó. Ngày 13/10/2012 bà L đã ký hợp đồng giao cho ông T quản lý, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su trên diện tích 299.960,8m².

Khi biết được sự việc trên, Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D đến kiểm tra phát hiện ông T đã để vườn cây bị cháy, bị bệnh làm chết nhiều cây cao su. Ông T cho công nhân cạo mủ không đúng kỹ thuật (cạo phạm vào thân cây), dùng chất kích thích ra nhiều mủ và cạo mủ quá mức quy định năm thứ nhất.

Ngày 08/4/2013 Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D đã thông báo cho ông T biết việc bà L ký hợp đồng giao vườn cây cho ông T quản lý không được sự đồng ý của các xã viên đồng thời yêu cầu ông T chấm dứt hợp đồng, giao vườn cao su lại cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D nhưng ông T vẫn cố tình không giao.

Nay Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B:

Tuy hủy Hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 giữa ông Phan Hoài T với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D.

Buộc ông Phan Hoài T phải trả lại cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D quyền quản lý, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su trên diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha), tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Buộc ông Phan Hoài T phải bồi thường cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D những thiệt hại do ông T để vườn cây bị cháy, bị bệnh và cạo mủ không đúng kỹ thuật với số tiền là 1.445.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Hoài T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Kim L1 là ông Trần Quốc V trình bày:

Ngày 13/10/2012, ông Phan Hoài T và Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D, đại diện theo pháp luật bà Vương Thị L làm chủ nhiệm ký kết hợp đồng về việc ông T cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D vay số tiền 4.700.000.000 đồng không tính lãi suất để làm nguồn vốn kinh doanh trại heo. Theo đó, Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D sẽ giao diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha), thuộc thửa đất số 00, tờ bản đồ 00 được UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T xxxxx ngày 11/9/2009, đất tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước để bù vào khoản tiền mà ông T đã không tính lãi cho Hợp tác xã.

Nay Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D khởi kiện yêu cầu Hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 giữa ông Phan Hoài T với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D, đồng thời yêu cầu ông T phải trả lại diện tích đất 299.960,8m² (diện

tích thực tế khoảng 40ha) và bồi thường thiệt hại do cạo mủ không đúng kỹ thuật. Ông Phan Hoài T không đồng ý, vì những lý do sau:

Tại thời điểm ký kết hợp đồng bà L giữ chức vụ Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D, do vậy bà L đủ quyền hạn để thay mặt và nhân danh Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D ký kết hợp đồng với ông T. Đồng thời khi ký kết hợp đồng, bà L cung cấp biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 với nội dung: “Tất cả các thành viên trong HTX đồng ý cho bà Vương Thị L thay mặt HTX toàn quyền ký kết hợp đồng kinh tế với ông Phan Hoài T về việc đầu tư vốn vào trang trại heo công ty C”. Do vậy ông T mới ký kết hợp đồng ngày 13/10/2012.

Thứ hai, việc Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D cho rằng số tiền 4.700.000.000 đồng là tiền nợ riêng giữa bà L và ông T thì càng không có cơ sở. Vì theo phiếu thu ngày 13/10/2012, Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D đã nhận số tiền 4.700.000.000 đồng từ ông T theo hợp đồng hai bên đã ký kết.

Thứ ba, đối với yêu cầu buộc ông T trả lại phần diện tích 40ha cao su thì ông T chỉ đồng ý khi Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D trả đủ số tiền 4.700.000.000 đồng cho ông T.

Thứ tư, nếu có thiệt hại xảy ra do khai thác mủ sai kỹ thuật thì lỗi không phải hoàn toàn do ông T. Bởi khi ông T được Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D giao khai thác mủ cao su thì người quản lý và chịu trách nhiệm kỹ thuật việc khai thác mủ là ông Nguyễn Văn H1 (người của HTX). Qua kiểm tra ban đầu thì ông T thấy vườn cao su bị phạm lỗi kỹ thuật quá nhiều nên ông T đề nghị với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D cho ông H2 nghỉ việc để ông Nguyễn Văn V3 thế chỗ công việc của ông H2. Nhưng Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D không đồng ý vì lý do: Ông H2 là người địa phương đang quản lý cho HTX về mặt kỹ thuật, chăm sóc và bảo vệ vườn cây không bị người khác xâm canh. Nếu cho ông H2 nghỉ việc thì sợ vườn cao su bị xâm canh không ai bảo vệ. Chính vì lý do đó nên ông T chỉ thuê ông V3 quản lý thu hoạch mủ mà thôi, còn việc bảo vệ, chăm sóc và chịu trách nhiệm kỹ thuật thì ông H2 vẫn tiếp tục làm. Hơn nữa trong hợp đồng cũng không quy định rõ cạo như thế nào là không đúng kỹ thuật.

Vì vậy, nay ông Phan Hoài T đề nghị Tòa án nhân dân huyện B bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D về việc yêu cầu hủy hợp đồng ký kết ngày 13/10/2012, buộc ông T phải giao lại vườn cây cao su và bồi thường thiệt hại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

1. Người đại diện theo ủy quyền của bà Vương Thị L là ông Cao Phương B trình bày:

Trước thời điểm xảy ra tranh chấp bà L và ông T có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần. Ngày 13/10/2012 bà L và ông T ký kết hợp đồng kinh tế về việc bà L vay của ông T số tiền 4.700.000.000 đồng và bà L cho ông T vào chăm sóc, khai thác vườn

cao su diện tích 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha) của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Theo hợp đồng kinh tế bà L lấy danh nghĩa của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D để ký kết hợp đồng với ông T. Tuy nhiên trong quá trình ký kết hợp đồng này thì bà L không thông qua cuộc họp xã viên của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D mà bà L tự ý lấy con dấu của Hợp tác xã để ký kết hợp đồng kinh tế với ông Phan Hoài T.

Mặt khác, đối với số tiền vay 4.700.000.000 đồng thực chất là tiền lãi của số tiền 1.870.000.000 đồng. Số tiền này bà L vay làm nhiều lần của ông T và khoảng tháng 9, 10/2011 với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày và mỗi tuần tính lãi suất 01 lần và bà L có viết giấy vay nợ cho ông T cầm giữ. Đến ngày 25/01/2012 bà L trả cho ông T 300.000.000 đồng tại Ngân hàng A, ngày 17/02/2012 bà L trả cho bà L1 số tiền 2.000.000.000 đồng. Số tiền còn lại là lãi suất của 1.870.000.000 đồng và lãi suất của số tiền 3.200.000.000 đồng. đến ngày 13/10/2012 ông T thông báo số tiền nợ là 4.700.000.000 đồng, trong lúc tôi đang bị bệnh không đủ tỉnh táo thì ông T yêu cầu tôi ký kết hợp đồng kinh tế để hạn chế tiền lãi suất.

Nay bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D hủy Hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 giữa ông Phan Hoài T với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D, đồng thời yêu cầu ông T phải trả lại diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha). Đối với số tiền nợ 4.700.000.000 đồng là khoản tiền nợ riêng giữa cá nhân bà L với ông T nên bà L sẽ có trách nhiệm trả.

2. Bà Nguyễn Quý P trình bày:

Bà Nguyễn Quý P là xã viên của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D. Năm 2011, bà P biết bà L là Chủ nhiệm hợp tác xã có vay nợ của ông T và bà L1 số tiền tổng cộng 4.700.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ nên giữa bà L và ông T đã ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012, trong đó thỏa thuận bà L để ông T vào khai thác mủ cao su trên diện tích đất 40ha tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước do bà L được hợp tác xã giao quản lý. Ông T bắt đầu khai thác mủ cao su từ sau ngày ký kết hợp đồng kinh tế với bà L. Tuy nhiên, việc bà L ký kết hợp đồng kinh tế với ông T không được hợp tác xã biết và thông qua. Đến đầu năm 2013 sự việc ông T cạo mủ được Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D biết nên Hợp tác xã nhiều lần thông báo cho ông T yêu cầu ông T ngưng khai thác mủ cao su nhưng ông T cố tình không thực hiện. Qua kiểm tra Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D phát hiện ông T cho người cạo phạm cây cao su làm nhiều cây bị bệnh, bị cháy, bị chết.

Nay bà P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hủy Hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 giữa ông Phan Hoài T với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D, đồng thời yêu cầu ông T phải trả lại diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha) và bồi thường thiệt hại.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2013 ông Nguyễn Thái D1 trình bày:

Ông D1 là xã viên của Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D từ năm 2004 và tham gia góp vốn vào Hợp tác xã với số tiền 100.000.000 đồng. Ngoài ra trong thời gian là hợp tác xã viên tại Hợp tác xã thì ông D1 không biết việc ông T ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 với Hợp tác xã D do bà L làm đại diện mà sau khi ông T cho người vào cạo mủ cao su sai kỹ thuật làm hư hỏng thì ông D1 mới biết được bà L ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 với ông T. Tuy nhiên theo ông D1 thì biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 chỉ có bà L, ông D1 và ông T ngoài ra không có mặt các xã viên khác và cũng không có chữ ký của các xã viên như biên bản do ông T cung cấp tại Tòa án.

Nay ông D1 yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 giữa ông Phan Hoài T với Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D và trả lại diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha) và bồi thường thiệt hại.

4. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2013 bà Ngô Thị T1 trình bày:

Bà Ngô Thị T1 là xã viên của Hợp tác xã D từ năm 2004, khi tham gia hợp tác xã bà T1 góp vốn với 20.000.000 đồng sau đó đến năm 2006 bà T1 góp thêm 100.000.000 đồng. Trong thời gian tham gia hợp tác xã từ năm 2004 đến nay bà không biết việc bà L ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 với ông Phan Hoài T để vay số tiền 4.700.000.000 đồng. Ngoài ra đối với biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 bà T1 không biết và cũng không ký vào biên bản họp này. Do vậy, bà T1 yêu cầu ông T trả lại diện tích đất và tài sản trên đất cho Hợp tác xã tiếp tục quản lý, thu hoạch.

5. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2013, ngày 22/9/2014 bà Vương Thị Minh L2 trình bày:

Bà Vương Thị Minh L2 là xã viên của Hợp tác xã D từ năm 2004 cho đến nay. Trong quá trình tham gia hợp tác xã bà L2 không biết việc bà L ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 để vay số tiền 4.700.000.000 đồng cũng như việc bà L giao vườn cây cao su cùng toàn bộ diện tích đất được cấp cho Hợp tác xã. Mặt khác, việc chữ ký trong biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 không phải là chữ ký của bà và bà cũng không được thông báo để tham gia cuộc họp này. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông T trả lại toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất là cây cao su cho Hợp tác xã tiếp tục quản lý, chăm sóc và thu hoạch.

6. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2013 ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Cũng như những thành viên của Hợp tác xã khác, ông Thanh là thành viên của Hợp tác xã D từ năm 2004 cho đến khi xảy ra tranh chấp với ông Phan Hoài T. Trong thời gian tham gia Hợp tác xã đến ngày 02/7/2013 ông Thanh biết được bà L có ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/10/2012 với ông T để vay số tiền 4.700.000.000 đồng và sau đó bà L giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho ông T quản lý, thu hoạch mủ cao su. Ông Thanh yêu cầu ông T trả lại toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất là cây cao su cho Hợp tác xã.

7. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP QD – Chi nhánh B trình bày:

Công ty Cổ phần C có địa chỉ tại đường H, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước có vay của Ngân hàng số tiền 40.000.000.000 đồng và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha) do UBND nhân dân tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T xxxxx ngày 11/9/2009. Sau khi được Tòa án nhân dân huyện B thông báo tham gia giải quyết vụ án liên quan đến tài sản thế chấp với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đại diện Ngân hàng có ý kiến như sau: Đối với tài sản thế chấp là diện tích đất 299.960,8m² đã được ngân hàng đăng ký thế chấp theo đúng quy định về giao dịch bảo đảm. Tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng nhưng Hợp tác xã D và bên thứ ba tự ý ký kết các thỏa thuận có liên quan đến việc thay đổi quyền sở hữu và hiện trạng tài sản là vi phạm khoản 2C, Điều của hợp đồng thế chấp cụ thể là: Các bên chưa có sự đồng ý chấp thuận của Ngân hàng. Điều này là vi phạm pháp luật. Từ đó Ngân hàng đề nghị các bên giữ nguyên hiện trạng tài sản thế chấp và đề nghị Tòa án xem xét lợi ích hợp pháp của ngân hàng khi xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số : 31/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yên O làm đại diện theo pháp luật.

- Tuyên hủy hợp đồng kinh tế ký kết ngày 13/10/2012 giữa bà Vương Thị L với ông Phan Hoài T.

- Buộc ông Phan Hoài T giao trả toàn bộ diện tích đất 299.960,8m² và tài sản trên đất là cây cao su cho Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp đất Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 42.8m, 50.0m, 37.7m, 129.3m, 76.2m;

Phía Nam giáp Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 101.8m, 35.5m, 26.2m, 13.5m, 16.8m, 18.4m;

Phía Đông giáp Suối có các số đo 44.6m, 35.0m, 19.0m, 21.1m, 79.6m, 22.0m, 79.4m, 113.3m, 72.4m;

Phía Tây giáp đất Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 89.3m, 26.2m, 45.5m, 68.4m, 127.3m.

Đất đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T xxxxx ngày 11/9/2009.

- Buộc ông Phan Hoài T và bà Đinh Thị Kim L1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tiền thu hoa lợi, lợi tức từ mù cao su cho tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D số tiền là 176.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yến O làm đại diện theo pháp luật đối với yêu cầu buộc ông Phan Hoài T bồi thường thiệt hại do để vườn cây cao su bị cháy, cạo mủ không đúng kỹ thuật.

3/ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn ông Phan Hoài T buộc Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yến O làm đại diện theo pháp luật có trách nhiệm trả cho ông Phan Hoài T tổng số tiền nợ 6.642.275.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 4.700.000.000 đồng, nợ lãi: 1.942.275.000 đồng).

Buộc bà Vương Thị L có trách nhiệm trả số tiền nợ cho ông Phan Hoài T và bà Đinh Thị Kim L1 tổng số tiền 6.642.275.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 4.700.000.000 đồng, nợ lãi: 1.942.275.000 đồng).

4/ Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2013/QĐ-BPKCTT ngày 09/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/10/2016 bị đơn ông Phan Hoài T kháng cáo các nội dung:

- Đề nghị Tòa phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã D về việc hủy Hợp đồng kinh tế, buộc ông T phải trả vườn cao su cho Hợp tác xã.

- Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của tôi yêu cầu Hợp tác xã D trả cho tôi số tiền gốc là 4.700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

- Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngày 11/10/2016 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 12/10/2016 nguyên đơn Hợp tác xã D có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước xác định cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 31/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, giao hồ sơ về Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Hợp tác xã D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng;

Bị đơn ông Phan Hoài T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã D về việc hủy Hợp đồng kinh tế, buộc ông T phải trả vườn cao su cho Hợp tác xã.

- Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông T yêu cầu Hợp tác xã D trả cho tôi số tiền gốc là 4.700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

- Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Xét kháng cáo của nguyên đơn Hợp tác xã D; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L; Bị đơn ông Phan Hoài T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã D do bà Nguyễn Vương Yên O khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Hoài T trả lại trả lại cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D quyền quản lý, chăm sóc và thu hoạch mủ cao su trên diện tích đất 299.960,8m² (diện tích thực tế khoảng 40ha), tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, và buộc ông Phan Hoài T phải bồi thường cho Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D những thiệt hại do ông T để vườn cây bị cháy, bị bệnh và cạo mủ không đúng kỹ thuật với số tiền là 1.445.000.000 đồng.

[2] Xét hợp đồng kinh tế được ký kết ngày 13/12/2012 giữa Hợp tác xã Nông nghiệp dịch vụ thương mại D do bà Vương Thị L làm chủ nhiệm với ông Phan Hoài T. Thì việc ký kết được thực hiện trên cơ sở tự nguyện bởi lẽ: Tại thời điểm giao kết hợp đồng bà Vương Thị L giữ chức vụ chủ nhiệm hợp tác xã đại diện cho tất cả các xã viên để đứng ra thực hiện việc giao kết hợp đồng với ông Phan Hoài T điều này tại phiên tòa phúc thẩm được bà O, bà P thừa nhận bà L có quyền đại diện các thành viên hợp tác xã theo pháp luật để thực hiện các giao dịch ký kết hợp đồng. Hơn nữa, khoảng thời gian ông T quản lý vườn cao su chăm sóc, thu hoạch các thành viên trong hợp tác xã không có ý kiến phản đối gì, chỉ khi cho rằng phía ông T cạo không đúng kỹ thuật, làm chết cây cao su thì mới làm đơn khởi kiện, điều này cũng được bà O thừa nhận tại phiên tòa nếu ông T không làm chết cây cao su thì bà O không có ý kiến gì. Như vậy, bà L với cương vị chủ nhiệm hợp tác xã thay mặt cho xã viên giao kết hợp đồng với ông T thực hiện hợp đồng ngày 13/12/2012 là hợp pháp. Bà O cho rằng bà L ký kết hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 với ông T không nhân danh Hợp tác xã mà với tư cách cá nhân bà L, và việc bà L nhận tiền từ ông T là do cá nhân bà L nhận và tiêu xài không liên quan đến Hợp tác xã. Đối với chữ ký đồng ý trong giấy ủy quyền của toàn bộ xã viên hợp tác xã do bà L giả mạo chứ các thành viên trong Hợp tác xã không ai ký. Như vậy, hợp đồng ngày 13/12/2012 có sự lừa dối nên hợp đồng vô hiệu. Như vậy, trường hợp hợp đồng ngày 13/12/2012 vô hiệu thì lỗi ở đây cần xác định thuộc về bà

L. Do đó, mọi thiệt hại xảy ra từ hợp đồng thì bà L là người chịu trách nhiệm vì ông T cũng là người bị bà L lừa dối theo hợp đồng. Cho nên, yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại từ hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 của bà Nguyễn Vương Yến O đại diện Hợp tác xã đối với ông Phan Hoài T là không có căn cứ. Nên kháng cáo của bà O về phần này không được chấp nhận.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của ông T, bà L về số tiền 4,7 tỷ đồng: Theo yêu cầu phản tố của ông Phan Hoài T ngày 08/4/2015 thì ông T yêu cầu Hợp tác xã D trả cho ông T số tiền gốc là 4.700.000.000đồng theo hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 và tiền lãi theo quy định. Xét thấy, Căn cứ vào biên nhận tiền liên 1 và liên 2 có con dấu của hợp tác xã và biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 thì việc thực hiện vay mượn tiền bà L là người đại diện pháp luật của hợp tác xã đứng ra mượn tiền của ông Phan Hoài T vì điều này phù hợp với lời trình bày của ông T, ông chỉ cho hợp tác xã vay do bà L là chủ nhiệm nên bà L phải giao dịch trực tiếp với ông, hơn nữa khi giao nhận tiền phía bà L là chị P con bà L cũng là thành viên trong hợp tác xã viết biên nhận tiền thành 2 liên. Một liên thì đưa cho ông T còn một liên thì giữ lại và chị P cũng thừa nhận có viết thêm liên chị đang quản lý. Bà L cho rằng số tiền 4,7 tỷ là nợ vay cá nhân của bà xuất phát từ việc vay số tiền 1.860.000.000 đồng . Trong lúc bà L bị bệnh nặng ông T đã ép bà phải chuyển số tiền 4,7 tỷ thành nợ của hợp tác xã để từ đó lập hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 và tại phiên tòa xuất trình một phai ghi âm vào ngày 21/4/2017 và một giấy chốt nợ giữa bà L với ông T. Qua xem xét các chứng cứ phía bà L cung cấp xét thấy, nội dung giấy chốt nợ có sự phân biệt rõ hai khoản nợ một là nợ riêng giữa bà L với ông T còn khoản nợ thứ hai là khoản nợ hợp đồng mà bà L đại diện cho hợp tác xã ký kết với ông T mà theo biên bản họp xã viên ngày 11/10/2012 và biên nhận tiền có đủ căn cứ khoản nợ 4,7 tỷ là hợp tác xã nợ ông Phan Hoài T do bà L đứng ra vay mượn cho nên phải có trách nhiệm trả cho ông T và tiền lãi. hợp tác xã cho rằng khoản nợ này là do bà L vay riêng không liên quan đến hợp tác xã thì bà L phải chịu trách nhiệm trước xã viên về khoản nợ này không liên quan đến ông Phan Hoài T. Đối với phai ghi âm được ghi âm ngày 21/4/2017 trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm và trong phần thủ tục phiên tòa. Mặc dù, Hội đồng xét xử hỏi các bên đương sự có ai cung cấp chứng cứ bổ sung hay không, các đương sự đều thống nhất không có chứng cứ bổ sung nhưng trong phần tranh luận bà L lại cung cấp một phai ghi âm trong USB mà bà cho rằng có liên quan đến nội dung vụ án. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bà L trình bày xuất xứ phai ghi âm và chuyển phai ghi âm thành văn bản viết .Tại phiên tòa, phía ông T không thống nhất vì nội dung trong phai ghi âm không trùng khớp với nội dung bản ghi chép, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L cũng thừa nhận giữa phai ghi âm và văn bản viết có sự không trùng khớp vì bản viết không trích nguyên văn, bà L cũng đồng ý với ý kiến này. Do đó, không có căn cứ để xem xét.

Như vậy, yêu cầu phản tố của ông T là có căn cứ để chấp nhận, nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bà L phải trả nợ cho ông T là không phù hợp. nên kháng cáo của ông T và bà L về phần này được chấp nhận.

3. Về Tổ tụng:

Xét kháng cáo của bà O đại diện cho hợp tác xã, và bà L cho rằng cấp sơ thẩm không xác định thiệt hại vườn cây để buộc ông T bồi thường, không đưa những thành viên trong hợp tác xã vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Như phần nhận định trên việc xác định thiệt hại vườn cao su từ hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 thì hậu quả pháp lý xảy ra bà L đại diện cho hợp tác xã là người chịu toàn bộ trách nhiệm thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành gửi văn bản trung cầu các quan có chức năng thẩm định giá trị bị thiệt hại của cây cao su trong thời gian ông Phan Hoài T quản lý và thu hoạch mủ cao su để làm cơ sở cho việc giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại, cụ thể cấp sơ thẩm đã gửi các văn bản đến Công ty cao su Phú Riềng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Phước, Tập đoàn công nghiệp Cao su E, Công ty cổ phần thẩm định, định giá MN. Nhưng các cơ quan này trả lời không có chức năng thẩm định thiệt hại cây cao su. Hơn nữa bà O kháng cáo cũng không có yêu cầu tiếp tục thẩm định thiệt hại cây cao su ở cơ quan khác nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này. Đối với việc không đưa những thành viên tham gia tố tụng theo quy định pháp luật. Xét thấy, hợp tác xã cung cấp địa chỉ không rõ ràng các thành viên hợp tác xã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, hậu quả bất lợi thuộc trách nhiệm của hợp tác xã. Hơn nữa, việc vắng mặt của các thành viên trong hợp tác xã cũng không mất quyền lợi vì họ có quyền khởi kiện bà L để yêu cầu bồi thường thiệt hại và khoản nợ do bà L tạo nên.

Đối với Cty C do bà L là giám đốc tại phiên tòa bà L xác định khoản nợ 4,7 tỷ là nợ riêng của bà, bà L vay mượn không đầu tư vào Cty do đó Cty C không liên quan đến vụ án.

Đối với khoản tiền lãi của 4,7 tỷ theo hợp đồng kinh tế ngày 13/12/2012 là cạo mủ cao su trừ tiền lãi, do vậy, việc Tòa sơ thẩm giao vườn cao su cho hợp tác xã quản lý để tính lãi với khoản lãi : 1.942.275.000 đồng là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm: Đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư nguyên đơn không có căn cứ không được chấp nhận

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hợp tác xã D phải chịu.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T, bà L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án;

QUYẾT ĐỊNH

Không Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hợp tác xã D;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Hoài T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2016/DSST ngày 29/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, Tuyên Xứ:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yến O làm đại diện theo pháp luật.

- Tuyên hủy hợp đồng kinh tế ký kết ngày 13/10/2012 giữa bà Vương Thị L với ông Phan Hoài T.

- Buộc ông Phan Hoài T giao trả toàn bộ diện tích đất 299.960,8m² và tài sản trên đất là cây cao su cho Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D. Đất có tứ cận:

Phía Bắc giáp đất Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 42.8m, 50.0m, 37.7m, 129.3m, 76.2m;

Phía Nam giáp Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 101.8m, 35.5m, 26.2m, 13.5m, 16.8m, 18.4m;

Phía Đông giáp Suối có các số đo 44.6m, 35.0m, 19.0m, 21.1m, 79.6m, 22.0m, 79.4m, 113.3m, 72.4m;

Phía Tây giáp đất Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D có các số đo 89.3m, 26.2m, 45.5m, 68.4m, 127.3m.

Đất đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp tại thửa đất số 00, tờ bản đồ số 00, tọa lạc tại xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: T xxxxx ngày 11/9/2009.

- Buộc ông Phan Hoài T và bà Đinh Thị Kim L1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả tiền thu hoa lợi, lợi tức từ mủ cao su cho tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D số tiền là 176.000.000 đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yến O làm đại diện theo pháp luật đối với yêu cầu buộc ông Phan Hoài T bồi thường thiệt hại do để vườn cây cao su bị cháy, cạo mủ không đúng kỹ thuật.

3/ chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn ông Phan Hoài T buộc Hợp tác xã Nông lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D do bà Nguyễn Vương Yến O làm đại diện theo pháp luật có trách nhiệm trả cho ông Phan Hoài T tổng số tiền nợ 6.642.275.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc: 4.700.000.000 đồng, nợ lãi: 1.942.275.000 đồng).

4/ Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2013/QĐ-BPKCTT ngày 09/7/2013 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Án phí dân sự sơ thẩm: Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D phải chịu 114.642.275 đồng. án phí dân sự có giá ngạch và 55.350.000 đồng yêu cầu bồi thường không được chấp nhận, được khấu trừ 20.675.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp còn phải nộp tiếp 149.317.275 đồng.

Ông Phan Hoài T và bà Đinh Thị Kim L1 phải chịu 8.800.000 đồng được khấu trừ 38.350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp Thi hành án hoàn trả lại cho ông T, bà L1 29.550.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Hợp tác xã Nông Lâm nghiệp Dịch vụ - Thương mại D phải chịu 200.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Phan Hoài T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L không phải chịu, Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện B hoàn trả lại cho bị đơn ông Phan Hoài T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị L số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018728 ngày 08/11/2016 và 0018745 ngày 30/11/2016.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Hùng

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa